

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BỘ TÀI CHÍNH -
BỘ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43/2008/TTLT-
BTC-BTTTT

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2008

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ
thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 43/2008/QĐ-

TTg ngày 24/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2008;

Liên Bộ Tài chính - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước như sau:

Phần I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Thông tư này hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, gồm:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội;

c) Viện Kiểm sát nhân dân các cấp;

d) Tòa án nhân dân các cấp;

đ) Kiểm toán nhà nước;

e) Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; văn phòng Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã; các cơ quan của Ủy ban nhân dân các cấp;

g) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp, đơn vị sự nghiệp công lập;

2. Các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp; các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác có sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng quy định tại Thông tư này để quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

3. Nguồn kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin, gồm:

a) Ngân sách nhà nước cấp:

- Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo các lĩnh vực chi của các cơ quan, đơn vị. Nhiệm vụ chi ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị ở Trung ương do ngân

sách trung ương bảo đảm; nhiệm vụ chi ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị ở địa phương do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của pháp luật hiện hành về phân cấp ngân sách nhà nước.

- Kinh phí chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước được bố trí hàng năm trong dự toán ngân sách của các Bộ, cơ quan trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức thuộc phạm vi quản lý.

b) Nguồn thu hợp pháp của các cơ quan, đơn vị được phép để lại sử dụng theo quy định của pháp luật.

c) Nguồn viện trợ, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức của các nhà tài trợ cho các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

d) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin đúng mục đích, đúng chế độ, bảo đảm hiệu quả để phục vụ thiết thực cho nâng cao năng suất và chất lượng công việc chuyên môn, phù hợp với kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và điều kiện hoạt động cụ thể của cơ quan, đơn vị; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền;

quyết toán kinh phí đã sử dụng, thực hiện chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

Phần II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

I. NỘI DUNG CHI ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Chi thiết kế, tạo lập, mua sắm, sửa chữa, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng thông tin, gồm: phần mạng (router, switch, hub, access point, firewall, cáp truyền dẫn, vật liệu kết nối,...); phần cứng (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị lưu trữ, thiết bị in ấn, thiết bị lưu điện và thiết bị ngoại vi khác); phần mềm (cơ sở dữ liệu, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng và phần mềm khác); cổng (trang) thông tin điện tử;

2. Chi vận hành hệ thống thông tin, gồm: mua nội dung thông tin; tạo lập và chuyển đổi thông tin; số hóa thông tin;

3. Chi duy trì hệ thống thông tin, gồm: dịch vụ Internet (duy trì tên miền; địa chỉ IP; thu thập, lưu trữ và truyền tải thông tin (dịch vụ duy trì hệ thống thư điện tử; dịch vụ lưu ký trang điện tử; dịch vụ thuê không gian lưu trữ trên Internet), các dịch vụ trực tuyến khác (dịch vụ tên miền DNS, dịch vụ xác thực LDAP, dịch vụ tên Windows Internet WINS, dịch vụ

mạng ảo riêng VPN...)); dịch vụ thuê kết nối mạng (thuê đường truyền, băng thông,...); dịch vụ thuê thiết bị mạng, phần cứng và phần mềm; dịch vụ an ninh mạng và an toàn thông tin;

4. Chi quản lý hệ thống thông tin, gồm: lập kế hoạch cho vận hành, đào tạo, duy trì và sửa chữa hệ thống thông tin; giám sát, duy trì dịch vụ của hệ thống thông tin; kiểm soát an ninh mạng, an toàn thông tin, khả năng đáp ứng của hệ thống thông tin; tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong trường hợp khẩn cấp; quản lý người khai thác, sử dụng; kiểm tra, đánh giá hệ thống thông tin; thống kê, báo cáo tình hình khai thác, sử dụng mạng lưới hoặc lưu lượng trao đổi thông tin trong mạng; xây dựng, hoàn thiện quy chế, quy định quản lý hệ thống thông tin;

5. Chi xây dựng các đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin (xây dựng đề cương; chi cho các cuộc họp bàn về việc xây dựng đề án, dự án; chi nhận xét, phản biện để hoàn thành đề án; chi thẩm định đề án, dự án...);

6. Chi thuê tư vấn trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin, gồm tư vấn chuyển giao công nghệ, tư vấn mua sắm...;

7. Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức kỹ năng ứng dụng công

nghệ thông tin để sử dụng và vận hành hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu xử lý công việc, đào tạo cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin; gồm: đào tạo tin học cơ bản; đào tạo quản trị hệ thống thông tin và đào tạo theo các chuyên đề chuyên sâu; giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập, nghiên cứu;

8. Chi cho công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá phục vụ mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước (tuyên truyền, quảng bá về việc cơ quan nhà nước cung cấp thông tin trên môi trường mạng; thông tin, tuyên truyền để người dân và xã hội biết và tham gia giao dịch với cơ quan nhà nước qua môi trường mạng...);

9. Chi tổ chức các hội thi về công nghệ thông tin.

II. MỨC CHI

Chế độ chi thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin theo chế độ chi tiêu tài chính do Bộ Tài chính quy định. Thông tư này hướng dẫn thêm một số nội dung sau:

1. Các khoản chi được thanh toán theo hợp đồng giữa các cơ quan, đơn vị và nhà cung cấp, bảo đảm tuân thủ quy định hóa đơn chứng từ và quy định về đấu thầu, mua sắm tài sản nói chung, tài sản thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin nói riêng:

a) Mua sắm trang thiết bị thuộc cơ sở hạ tầng thông tin (phần mạng, phần cứng, phần mềm); mua nội dung thông tin; mua giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập, nghiên cứu; thuê tư vấn trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin.

Riêng việc mua sắm phần mềm phải đảm bảo tuân thủ quy trình, định mức, đơn giá xây dựng và triển khai phần mềm do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

Khuyến khích các cơ quan, đơn vị khai thác, sử dụng mã nguồn mở trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin thay cho việc mua sắm các phần mềm dựng sẵn hoặc phần mềm may đo.

b) Các khoản chi phí thuê dịch vụ Internet, dịch vụ thuê kết nối mạng; dịch vụ thuê thiết bị mạng, phần cứng và phần mềm; dịch vụ an ninh mạng và an toàn thông tin;

c) Chi cho công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá phục vụ mục tiêu ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước (in ấn tờ rơi, panô, áp phích, khẩu hiệu...; tuyên truyền, quảng bá qua sóng phát thanh, truyền hình; tuyên truyền, quảng bá bằng thông tin trên mạng máy tính, thông tin qua mạng viễn thông...).

2. Đối với nhiệm vụ thiết kế, tạo lập, nâng cấp cổng (trang) thông tin điện tử;

sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị thuộc cơ sở hạ tầng thông tin; quản lý hệ thống thông tin; tạo lập thông tin điện tử trên mạng máy tính; tạo lập và chuyển đổi thông tin; số hóa thông tin:

a) Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và đội ngũ cán bộ của bộ phận chuyên trách (hoặc kiêm nhiệm) công nghệ thông tin, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ này như là nhiệm vụ chuyên môn thường xuyên. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức khi làm thêm giờ để thực hiện các nhiệm vụ này được thanh toán tiền lương làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

b) Trường hợp vượt quá khả năng chuyên môn, các cơ quan, đơn vị quyết định việc thuê ngoài để thực hiện. Việc thanh toán thực hiện theo hợp đồng và hóa đơn chứng từ, bảo đảm tuân thủ quy định về mua sắm tài sản nói chung và tài sản thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin nói riêng;

c) Việc thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài thực hiện những công việc tạo lập thông tin điện tử trên mạng máy tính,

tạo lập và chuyển đổi thông tin hoặc số hóa thông tin thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử.

Đối với việc tạo lập thông tin điện tử bằng tiếng dân tộc được phép tăng từ 10% đến 30% mức chi quy định tương ứng tại Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính.

3. Trường hợp thông tin điện tử được tạo lập dưới dạng ảnh số, âm thanh số, phim số..., đủ điều kiện hưởng chế độ nhuận bút thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ về chế độ nhuận bút, Thông tư liên tịch số 21/2003/TTLT-BVHTT-BTC ngày 01/7/2003 của Liên Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Bộ Tài chính hướng dẫn việc chi trả chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút đối với một số loại hình tác phẩm quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ.

4. Trường hợp xây dựng các đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin: vận dụng các quy định tại Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07/5/2007 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh

phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện.

5. Đối với chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin để sử dụng và vận hành hệ thống thông tin, đào tạo cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin:

5.1. Nguồn kinh phí:

Các cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn kinh phí quy định tại điểm 3 phần I Thông tư này để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin để sử dụng và vận hành hệ thống thông tin, đào tạo cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin.

5.2. Đối tượng đào tạo:

- Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan quy định tại điểm 1 phần I Thông tư này;

- Đại biểu hội đồng nhân dân các cấp; trưởng thôn, trưởng bản; cán bộ không chuyên trách cấp xã, cán bộ thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc ở xã và tổ dân phố ở phường, thị trấn.

5.3. Nội dung và mức chi:

Căn cứ khả năng kinh phí của cơ quan, đơn vị và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức về kiến thức tin học đã được phê duyệt (gồm: phương thức tổ chức; số lượng học viên; thời gian đào

trình, bồi dưỡng; chương trình đào tạo, bồi dưỡng...), thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định nội dung và mức chi để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm hiệu quả, phù hợp với yêu cầu thực tế trong việc tổ chức các khóa/lớp học và chịu trách nhiệm về quyết định của mình, cụ thể:

a) Trường hợp cơ quan, đơn vị tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước:

- Chi biên soạn chương trình, giáo trình giảng dạy: tùy theo các chương trình đào tạo, bồi dưỡng để quyết định phù hợp.

- Chi tổ chức lớp học theo thực tế phát sinh, gồm: thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu...); chi phí sử dụng mạng Internet; chi mua, in ấn giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); chi tiền điện, nước, văn phòng phẩm; chi phục vụ lớp học; chi khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ, khen thưởng học viên;

- Chi phiên dịch (nếu có): thực hiện theo Thông tư số 57/2007/TT-BTC ngày 11/6/2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiếp khách trong nước;

- Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi (nếu có): Thực hiện theo quy định về mức chi ra đề thi, coi thi, chấm thi hiện nay đang được thực hiện trong hệ thống giáo dục quốc dân tùy theo tính chất, quy mô từng khóa đào tạo, bồi dưỡng của từng cơ quan, đơn vị;

- Chi thù lao giảng viên, trợ giảng, cán bộ kỹ thuật trong nước: tùy theo các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc mời giảng viên, cán bộ kỹ thuật và quyết định mức chi thù lao phù hợp nhưng không quá 400.000 đồng/ngày/người đối với giảng viên, trợ giảng; không quá 200.000 đồng/ngày/người đối với cán bộ kỹ thuật. Trường hợp phải chi phí riêng về phương tiện đi lại, thuê chỗ ở đối với giảng viên, cán bộ kỹ thuật thì thực hiện theo Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 127/2007/TT-BTC ngày 31/10/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính.

- Đối với giảng viên nước ngoài: tùy theo mức độ cần thiết, các cơ quan, đơn vị trình cấp có thẩm quyền quyết định việc mời giảng viên nước ngoài; mức thù lao đối với giảng viên nước ngoài do cơ

quan, đơn vị thỏa thuận với giảng viên, bảo đảm phù hợp với khả năng kinh phí của cơ quan, đơn vị.

- Các khoản chi trong trường hợp phải tổ chức lớp học tập trung ở xa cơ quan, đơn vị, gồm: chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về cho một khóa học tập trung) cho học viên, cán bộ quản lý lớp học; chi phí ăn, ở cho học viên, cán bộ quản lý lớp học trong thời gian học. Các khoản chi này không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 127/2007/TT-BTC ngày 31/10/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính.

b) Trường hợp tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài:

- Chi phí dịch vụ phải trả cho tổ chức thực hiện dịch vụ đào tạo ở trong nước;

- Chi học phí và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo hoặc cơ sở dịch vụ ở nước ngoài;

- Chi phí cho công tác phiên dịch, biên dịch tài liệu: thực hiện theo Thông tư số 57/2007/TT-BTC ngày 11/6/2007 của Bộ Tài chính; Trường hợp phải thuê phiên

dịch ở nước ngoài thì thực hiện theo thỏa thuận với người phiên dịch, bảo đảm phù hợp với khả năng kinh phí của cơ quan, đơn vị.

- Chi phí mua bảo hiểm y tế trong thời gian học tập ở nước ngoài (nếu có yêu cầu bắt buộc của nước sở tại);

- Chi phí cho công tác tổ chức lớp học: khảo sát, đàm phán, xây dựng chương trình học tập với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài;

- Chi phí ăn, ở, đi lại trong thời gian học tập ở nước ngoài: thực hiện theo Thông tư số 91/2005/TT-BTC ngày 18/10/2005 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

- Chi phí đi lại từ Việt Nam sang nước ngoài (một lần đi và về), lệ phí sân bay (nếu có); chi làm thủ tục xuất, nhập cảnh (hộ chiếu, visa): theo thực tế hợp lý phát sinh.

c) Trường hợp cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở khác ở trong và ngoài nước:

- Chi học phí và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo (mua giáo trình, tài liệu cho học viên để tham gia khóa học...) hoặc cơ sở dịch vụ trong và ngoài nước.

- Chi phí cho công tác phiên dịch, biên dịch tài liệu (nếu có);

- Chi phí mua bảo hiểm y tế trong thời gian học tập ở nước ngoài (nếu có yêu cầu bắt buộc của nước sở tại);

- Chi phí ăn, ở, đi lại trong thời gian học tập ở nước ngoài: thực hiện theo Thông tư số 91/2005/TT-BTC ngày 18/10/2005 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

- Chi phí đi lại từ Việt Nam sang nước ngoài (một lần đi và về), lệ phí sân bay (nếu có); chi làm thủ tục xuất, nhập cảnh (hộ chiếu, visa): theo thực tế hợp lý phát sinh.

- Các khoản chi cho học viên trong trường hợp lớp học được tổ chức tập trung ở trong nước nhưng xa cơ quan, đơn vị, gồm: chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về cho một khóa học tập trung); chi phí ăn, ở trong thời gian học. Các khoản chi này không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 127/2007/TT-BTC ngày 31/10/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư

số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính.

6. Chi tổ chức các hội thi về công nghệ thông tin:

Nội dung chi và mức chi: vận dụng các quy định tại Thông tư số 52/2007/TT-BTC ngày 21/5/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính cho hoạt động hội thi sáng tạo kỹ thuật để thực hiện.

III. LẬP, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Việc lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước chi ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn, cụ thể:

1. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị căn cứ vào kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn về nội dung chuyên môn nghiệp vụ ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin (Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông); hướng dẫn về xây dựng dự toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nội dung, mức chi quy định cụ thể tại Thông tư này lập dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin (chi tiết trong từng lĩnh vực chi cụ thể), tổng hợp chung vào

dự toán chi ngân sách của cơ quan (trong đó có nội dung chi ứng dụng công nghệ thông tin theo từng loại chi) gửi cơ quan quản lý cấp trên.

Các đơn vị dự toán cấp I tổng hợp dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị trực thuộc gửi cơ quan thông tin và truyền thông cùng cấp, đồng thời tổng hợp chung dự toán chi ứng dụng công nghệ thông tin vào dự toán chi ngân sách của cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch - đầu tư cùng cấp theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

Cơ quan thông tin và truyền thông phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch - đầu tư cùng cấp thẩm định kinh phí ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị cấp mình. Cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch - đầu tư tổng hợp trình cấp có thẩm quyền về dự toán chi ngân sách nhà nước cho ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

Việc lập dự toán kinh phí để đào tạo, bồi dưỡng kiến thức tin học cho cán bộ, công chức, viên chức từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh

phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước.

2. Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm được cơ quan có thẩm quyền giao (gồm dự toán chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước; dự toán chi đối với các nguồn kinh phí khác); trên cơ sở ý kiến thẩm định của cơ quan tài chính cùng cấp, các cơ quan, đơn vị thực hiện phân bổ dự toán chi cho ứng dụng công nghệ thông tin theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, đồng gửi cơ quan tài chính và cơ quan thông tin truyền thông cùng cấp.

3. Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin được sử dụng từ nguồn kinh phí thuộc lĩnh vực nào thì hạch toán và quyết toán vào lĩnh vực đó theo quy định hiện hành của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Đức Lai

2. Bãi bỏ Thông tư số 99/2001/TT-BTC ngày 05/12/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc ưu tiên kinh phí để ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

Bãi bỏ các quy định về nội dung chi, mức chi liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng kiến thức tin học cho đối tượng cán bộ, công chức nhà nước quy định tại Thông tư số 79/2005/TT-BTC ngày 15/9/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước.

3. Riêng kinh phí thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin năm 2008 tại các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương theo danh mục các dự án đã được quy định tại Quyết định số 43/2008/QĐ-TTg ngày 24/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước năm 2008 do ngân sách trung ương bảo đảm.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Liên Bộ để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG

Phạm Sỹ Danh